

PHÒNG GD&ĐT TX. ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG THCS HƯNG ĐẠO

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học, có hộ khẩu thường trú tại 8 khu HC thuộc phường Hưng Đạo	HS đủ điều kiện lên lớp theo thông tư 22/2021/TT-BGDĐT	HS đủ điều kiện lên lớp theo thông tư 58/2011/TT-BGDĐT và thông tư 26/2020/TT-BGDĐT	HS đủ điều kiện lên lớp theo thông tư 58/2011/TT-BGDĐT và thông tư 26/2020/TT-BGDĐT
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	CTGDPT 2018		CTGDPT 2006	
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Nhà trường và gia đình thường xuyên trao đổi thông tin phối hợp cùng theo dõi giáo dục học sinh. Yêu cầu học sinh có thái độ học tập tự giác, chăm chỉ tích cực.			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Phong trào TDTT, văn nghệ, các hoạt động vui chơi giải trí rèn kỹ năng sống cho HS được nhà trường đặc biệt quan tâm - Có đủ SGK, tài liệu tham khảo cho học sinh, CBGV; Tích cực hỗ trợ HS hộ cận nghèo, có hoàn cảnh khó khăn.			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Phấn đấu: - KQ rèn luyện: + Tốt: 90% + Khá: 9% + Đạt: 1% + Chưa đạt: 0	Phấn đấu: - KQ rèn luyện: + Tốt: 90% + Khá: 9% + Đạt: 1% + Chưa đạt: 0	Phấn đấu: - Hạnh kiểm: + Tốt: 90%; + Khá: 9% + TB: 1%	Phấn đấu: - Hạnh kiểm: + Tốt: 90%; + Khá: 9% + TB: 1%
		- KQ học tập: + Tốt: 15% + Khá: 50% + Đạt: 34% + Chưa đạt: 1%	- KQ học tập: + Tốt: 15% + Khá: 50% + Đạt: 34% + Chưa đạt: 1%	- Học lực: + Giỏi: 18% + Khá: 48% + TB: 33% + Yếu : 1%	- Học lực: + Giỏi: 18% + Khá: 48% + TB: 34% + Yếu : 0%
		Thi vào THPT: Trên 73%. Thi HSG cấp thị xã: 10 HS; Cấp tỉnh: 2 HS Học sinh có sức khỏe tốt để học tập và phát triển trí tuệ.			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Học sinh lớp 9 tốt nghiệp THCS thi vào THPT công lập, dân lập, có thể đăng ký vào các trường học nghề.			

Hưng Đạo, ngày 15 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Thắm

PHÒNG GD&ĐT ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG THCS HƯNG ĐẠO

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
Năm học 2021-2022**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	437	112	112	107	106
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	429 98.17%	111 99.11%	108 96.43%	107 100%	103 97.17%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	8 1.83%	1 0.89%	4 3.57%	0	3 2.83%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					
II	Số học sinh chia theo học lực	437	112	112	107	106
1	Giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	100 22.88%	24 21.43%	19 16.96%	26 24.3%	31 29.25%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	198 45.31%	58 51.79%	43 38.39%	59 55.14%	38 35.85%
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	139 31.81%	30 26.79%	50 44.64%	22 20.56%	37 34.91%
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
5	Kém(tỷ lệ so với tổng số)					
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	437	112 100%	112 100%	107 100%	106 100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	100 22.88%	24 21.43%	19 16.96%	26 24.3%	31 29.25%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	198 45.31%	58 51.79%	43 38.39%	59 55.14%	38 35.85%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi	11/16	5/6	2/5	2/4	2/1

	(tỷ lệ so với tổng số)					
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	13			3	10
2	Cấp tỉnh/thành phố					6
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	106	0	0	0	106
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	106	0	0	0	106
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	31 29.25%				31 29.25%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	38 35.85%				38 35.85%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	37 34.91%				37 34.91%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	235/202	46/66	66/46	64/43	59/47
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0

Đông Triều, ngày 15 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Thắm

PHÒNG GD&ĐT ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG THCS HƯNG ĐẠO

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở
Năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	17	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	12	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	4	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	12	
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	
8	Bình quân học sinh/lớp	37	
III	Số điểm trường	0	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	16.001	36
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	9.000	20
VI	Tổng diện tích các phòng		2,5
1	Diện tích phòng học (m ²)	588	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	284	
3	Diện tích thư viện (m ²)	71	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	21.6	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	1	
1.2	Khối lớp 7	1	
1.3	Khối lớp 8	1	
1.4	Khối lớp 9	1	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		

2.1	Khối lớp 6	1	
2.2	Khối lớp 7	1	
2.3	Khối lớp 8	1	
2.3	Khối lớp 8	1	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	15	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	3	
2	Cát xét	1	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	
5	Máy tính bảng	0	
6	Máy in	2	

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		48/48
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Đông Triều, ngày 15 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Thắm

PHÒNG GD&ĐT ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG THCS HƯNG ĐẠO

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở, năm học 2022-2023

[illegible]

2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ				0										
4	Nhân viên y tế				0										
5	Nhân viên thư viện	1			1										
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm				0										
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người huyết tật				0										
8	Nhân viên công nghệ thông tin				0										

Đông Triều, ngày 15 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Thắm